

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Vĩnh Thạnh**

2. Ông **Lê Ng Ân**

*Thư ký phiên tòa:* Ông **Huỳnh Thanh Xuân** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2020/TLST-HN ngày 21 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T Tr**, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Khu vực Bình H, Phước Th, quận Ô M, thành phố C Th (có mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đ Kh**, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Ấp 10, xã L Ng, huyện L M, tỉnh H Gi.

Tạm trú: Khu vực B H, Ph Th, quận Ô M, thành phố C Th (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn là chị Trần Thị T Tr trình bày:*

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân và có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Ng huyện L M, tỉnh H G vào năm 2010.

Chị và anh Kh có thời chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do mâu thuẫn kinh tế gia đình, anh Kh có người phụ nữ khác bên ngoài, không chăm lo chăm sóc vợ con, ngoài ra anh Kh còn mâu thuẫn với gia đình bên vợ đến mức không thể khắc phục được. Mặc dù anh chị đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không mang lại kết quả. Ngược lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến nay thì không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình được nữa. Nay chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kh.

Về con chung: Chị và anh Kh có 01 con chung tên Nguyễn Trần Ng Q, sinh ngày 18/12/2014 khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Q đến khi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con.

Về Tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Kh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đ Kh trình bày:

Bị đơn và nguyên đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân và có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Nghĩa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang như nguyên đơn trình bày là đúng.

Anh và chị Tr chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn, việc làm ăn kinh tế anh điều thông qua chị Tr, anh cũng chăm lo chăm sóc vợ con trong khả năng của anh, anh không có người phụ nữ khác bên ngoài, như chị Tr trình bày. Anh thừa nhận là có mâu thuẫn với gia đình bên vợ, đến nay cũng chưa khắc phục được, anh cũng có bàn bạc với chị Tr ra ngoài sống riêng nhưng chị Tr không đồng ý với lý do là anh không đảm bảo về kinh tế và chị Tr còn phải lo chăm sóc cha mẹ.

Nay anh còn thương vợ, anh mong chị Tr cho anh cơ hội về hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Anh và chị Tr có 01 con chung tên Nguyễn Trần Ng Q, sinh ngày 18/12/2014, nếu ly hôn anh thống nhất giao cháu Q cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Tr tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Vụ kiện được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật. Giữa chị Tr và anh Kh không thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định pháp luật.*

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kh.

*Về con chung:* Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Trần Ng Q, sinh ngày 18/12/2014 cho đến khi trưởng thành, chị Tr không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung :* Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đ Kh, khi Tòa án mời hòa giải anh có mặt 01 lần trình bày ý kiến yêu cầu chị Tr suy nghĩ lại về đoàn tụ gia đình. Về con chung: Anh và chị Tr có 01 con chung tên Nguyễn Trần Ng Q, sinh ngày 18/12/2014, nếu ly hôn anh thống nhất giao cháu Q cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Tr tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau đó tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh không đến tham gia phiên tòa, không rõ lý do. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Kh theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Chị Tr và anh Kh tự nguyện tiến tới hôn nhân và có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L Ng, huyện L M, tỉnh H G vào năm 2010. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận nên khi chị Tr có đơn khởi kiện xin ly hôn sẽ do Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh, bị đơn Đ ký tạm trú tại khu vực Bình

Hung, phường Ph Th, quận Ô M, thành phố C Th nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô M.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình chung sống giữa chị Tr và anh Kh có thời gian chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Theo nguyên đơn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chủ yếu phát sinh do anh Kh không lo làm ăn, chăm sóc vợ con, mâu thuẫn với gia đình bên chồng nên vợ chồng thường hay cự cãi, mặc dù, anh chị đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không mang lại kết quả, ngược lại mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng hơn và vợ chồng cũng đã sống ly thân nhau từ đầu 2020 cho đến nay, cả hai đã không còn quan tâm đến nhau và cũng không có biện pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn niềm tin vào anh Kh nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với anh Kh.

[3] Về phía bị đơn: Vợ chồng phát sinh là do lỗi của anh mong chị Tr cho anh cơ hội về đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù anh cho rằng còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị Tr. Nhưng anh Kh không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn hạnh phúc gia đình, nên yêu cầu đoàn tụ của anh Kh là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Tr đã được Tòa án hòa giải động viên nhiều lần, khuyên chị Tr nên suy nghĩ lại về đoàn tụ gia đình nhưng chị Tr xác định không còn tình cảm với anh Kh và cương quyết xin ly hôn, nên khả năng đoàn tụ giữa anh Kh và cho Tr là không có, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tr là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Khi ly hôn chị Tr có nguyện vọng được tiếp nuôi cháu Nguyễn Trần Ng Q, sinh ngày 18/12/2014 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Q là nữ hiện đang sống với mẹ, chị Tr có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, anh Kh cũng thống nhất giao cháu Q cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng nếu ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Q cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53. Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T Tr được ly hôn với anh Nguyễn Đ Kh.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Ng Q, sinh ngày 18/12/2014 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Không buộc anh Kh cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh Kh không ai cản trở anh Kh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 010863 ngày 19/02/2020 thành án phí, nguyên đơn không phải thêm tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền kháng cáo, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa Thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND quận Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND xã Lương Mỹ, Long Mỹ, Hâu Giang;
- CC THADS quận Ô Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Bùi Thanh Quốc**